

Số: **73** /SDCC -TCKT
(V/v: Công bố báo cáo Tài chính
Hợp nhất năm 2020)

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2021
**CÔNG TY CỔ
PHẦN TƯ
VẤN SÔNG
ĐÀ**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Thanh Xuân,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG
ĐÀ,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0100105454
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2021-03-15 15:03:25
Foxit PhantomPDF Version: 9.6.0

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà

2. Mã chứng khoán: SDC

**3. Trụ sở chính: Nhà G9 – Số 495 – Đường Nguyễn Trãi – Phường Thanh Xuân –
Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.**

4. Điện thoại : 0243.8542209

Fax: 0243.8545855

5. Người công bố thông tin: Đinh Văn Duẩn

6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà lập
ngày 12/03/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh,
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Giải trình biến động kết quả SXKD năm 2020 so với năm 2019

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 kéo dài nên tình hình sản xuất kinh
doanh của Công ty gặp khó khăn, cụ thể:

- Doanh thu năm 2020 giảm 18,3 tỷ đồng so với năm 2019 tương ứng giảm
25,6% làm lợi nhuận gộp năm 2020 giảm 2,7 tỷ đồng so với năm 2019.
- Chi phí tài chính năm 2020 tăng 0,56 tỷ đồng so với năm 2019 chủ yếu do
Công ty phải trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính
- Chi phí QLDN năm 2020 giảm 2,45 tỷ đồng so với năm 2019

Với các nguyên nhân chủ yếu như trên đã làm cho lợi nhuận sau trên báo cáo
năm tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty giảm 0,63 tỷ đồng tương ứng
giảm 32% so với cùng kỳ năm 2019

**8. Giải trình tổng tài sản ngày 31/12/2020 giảm 12,3 tỷ đồng tương ứng giảm trên
11,4% so với ngày 31/12/2019 do trong năm 2020 Công ty đã tập trung công
tác thu hồi công nợ nên nợ phải thu khách hàng đã giảm 9,8 tỷ đồng.**

9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sdcc.com.vn

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây đúng là sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận: 

- Như trên (theo k/g);
- Lưu TCKT, TCHC.



Đinh Văn Duẩn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12-13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105454, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 2 năm 2005 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 0100105454, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 8 542 209
- Fax : 0243 8 545 855

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	Nhà G10, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020
Bà Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên	Ngày 09 tháng 06 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Văn Duẩn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 06 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty và công ty con.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và công ty con với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và Công ty con và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và Công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Duẩn

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0122/21/TC - AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1708-2018-008-1

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		75.720.759.020	80.485.064.164
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.299.747.381	2.799.275.038
1. Tiền	111		2.599.747.381	738.210.809
2. Các khoản tương đương tiền	112		700.000.000	2.061.064.229
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.360.000.000	3.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	4.360.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		46.550.826.729	50.829.549.926
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	56.288.559.141	61.206.172.269
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		129.960.435	482.232.435
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	7.034.044.240	7.034.044.240
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.297.606.043	6.854.224.863
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(24.199.343.130)	(24.747.123.881)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		20.900.579.500	23.173.439.524
1. Hàng tồn kho	141	V.7	20.900.579.500	23.173.439.524
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		609.605.410	682.799.676
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	194.269.698	262.972.345
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		415.335.712	419.827.331
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.144.327.830	27.697.943.214
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		12.355.346.668	17.268.591.272
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	12.275.346.668	17.268.591.272
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		80.000.000	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.987.985.186	6.405.047.675
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	5.987.985.186	6.405.047.675
<i>Nguyên giá</i>	222		23.369.435.775	24.142.041.876
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(17.381.450.589)	(17.736.994.201)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	457.464.392
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	457.464.392
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		792.112.200	1.781.301.323
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	3.900.000.000	3.900.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(3.107.887.800)	(2.478.698.677)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	360.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.008.883.776	1.785.538.552
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.008.883.776	1.785.538.552
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		95.865.086.850	108.183.007.378

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		42.958.720.383	54.657.249.793
I. Nợ ngắn hạn	310		37.909.116.376	49.033.646.384
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	2.455.969.574	3.008.231.239
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	8.989.491.204	12.737.898.677
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	581.202.763	533.292.423
4. Phải trả người lao động	314		4.939.242.074	8.701.080.974
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	190.800.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	11.567.618.109	12.481.121.888
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	8.123.918.385	10.244.585.072
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	1.251.674.267	1.136.636.111
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.049.604.007	5.623.603.409
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.10b	3.948.497.584	4.286.496.986
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	300.000.000	300.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	171.000.000	407.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.16	630.106.423	630.106.423
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		52.906.366.467	53.525.757.585
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	52.906.366.467	53.525.757.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.502.618.712	8.502.618.712
5. Cổ phiếu quỹ	415		(620.000)	(620.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.487.458.313	13.487.458.313
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.587.400.732	5.200.831.273
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.238.479.117	5.200.831.273
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.348.921.615	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		232.408.710	238.369.287
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		95.865.086.850	108.183.007.378

Người lập biểu



Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng



Lê Minh Quyết

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc




CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	53.230.869.468	71.559.789.297
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		53.230.869.468	71.559.789.297
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42.559.899.741	58.169.711.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.670.969.727	13.390.078.165
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	774.625.457	787.892.112
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.495.331.883	929.381.462
Trong đó: chi phí lãi vay	23		866.142.760	850.682.785
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		73.645.865	61.695.741
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	8.331.618.061	10.782.672.155
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.544.999.375	2.404.220.919
12. Thu nhập khác	31	VI.6	29.149.318	377.568.489
13. Chi phí khác	32	VI.7	6.031.217	168.194.457
14. Lợi nhuận khác	40		23.118.101	209.374.032
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.568.117.476	2.613.594.951
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	225.156.438	637.944.081
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.342.961.038	1.975.650.870
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.348.921.615	1.962.352.156
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(5.960.577)	13.298.714
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	517	500
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	517	500

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Duẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.568.117.476	2.613.594.951
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	1.086.134.881	1.176.994.584
- Các khoản dự phòng	03		121.826.372	(305.689.197)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.039.758)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(774.167.878)	(816.163.022)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	866.142.760	850.682.785
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.865.013.853	3.519.420.101
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		9.036.954.765	211.455.305
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.272.860.024	(5.153.685.954)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.275.801.934)	450.697.630
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		865.749.423	(40.237.448)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(866.142.760)	(850.682.785)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(406.255.383)	(1.048.975.649)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(542.490.000)	(929.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.949.887.988	(3.841.508.800)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(232.000.000)	(1.748.224.392)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		5.542.727	256.758.253
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.700.000.000)	(3.360.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		135.492.557	373.591.501
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		209.035.284	(4.477.874.638)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.14	13.586.849.323	14.708.975.667
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(15.943.516.010)	(9.818.678.121)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.304.824.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.661.490.687)	4.890.297.546
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		497.432.585	(3.429.085.892)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.799.275.038	6.228.360.930
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.039.758	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.299.747.381	2.799.275.038

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Dẫn

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Doanh nghiệp

Công ty có 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trong năm, không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà có trụ sở chính tại thôn Lai Xá, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 73,48%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp (số đầu năm là 73,48%)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty và công ty con có 203 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 223 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty và công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty và công ty con áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phân chênh lệch giữa số vốn góp thêm của công ty mẹ và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty và công ty con không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và công ty con với người mua là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định cho từng công trình như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Giá vốn} \\ \text{kinh doanh dở dang} & = & \text{kinh doanh dở dang} & + & \text{kinh doanh phát sinh} & - & \text{hàng bán} \\ \text{cuối năm} & & \text{đầu năm} & & \text{trong năm} & & \text{trong năm} \end{array}$$

Trong đó: Giá vốn hàng bán của công trình được xác định bằng doanh thu ghi nhận trong năm nhân với (x) tỷ lệ khoán chi phí của công trình

Giá xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty và công ty con chủ yếu là Chi phí sửa chữa tài sản cố định và Chi phí Công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty và công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty và công ty con) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty và công ty con.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty và công ty con đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty và công ty con đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty và công ty con đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty và công ty con đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	446.849.049	54.188.474
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.152.898.332	684.022.335
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	700.000.000	2.061.064.229
Cộng	3.299.747.381	2.799.275.038

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>4.360.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng	4.360.000.000	3.000.000.000
<i>Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>360.000.000</i>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	-	360.000.000
Cộng	4.360.000.000	3.360.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie ⁽ⁱ⁾	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà ⁽ⁱⁱ⁾	1.500.000.000	(707.887.800)	1.500.000.000	(78.698.677)
Cộng	3.900.000.000	(3.107.887.800)	3.900.000.000	(2.478.698.677)

(i) Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie đang lập hồ sơ, thủ tục phá sản, do đó, khoản đầu tư này đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

(ii) Công ty nắm giữ 240.034 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (tương đương 3,97% vốn điều lệ), trong đó: giá trị đầu tư ban đầu là 1.500.000.000 VND tương đương với 150.000 cổ phiếu; cổ tức được chia bằng cổ phiếu là 90.034 cổ phiếu. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 792.112.200 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.478.698.677	2.400.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	629.189.123	78.698.677
Số cuối năm	3.107.887.800	2.478.698.677

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>26.517.108.616</i>	<i>32.823.229.335</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	8.426.244.816	9.834.828.130
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	543.933.969	487.555.719
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.454.518.763	3.687.233.763
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.036.475.381	1.036.475.381
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	3.307.183.390	1.128.747.375
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.261.630.057	931.088.407
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.115.702.346	1.783.400.864
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.376.115.091	2.649.003.842
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	338.416.876	338.416.876
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	358.209.064	358.209.064
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	426.976.478	1.436.064.078
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	17.582.000	40.282.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	35.362.843	35.362.843
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	-	171.140.741
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	212.945.450	46.711.682
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>29.771.450.525</i>	<i>28.382.942.934</i>
Cộng	56.288.559.141	61.206.172.269

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>7.511.072.792</i>	<i>13.319.330.343</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	2.978.369.527	3.005.289.569
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.444.917.637	7.630.150.669
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	18.164.783	18.164.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	436.013.385	602.691.813
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	437.519.967	417.786.882
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	284.824.541	716.265.675
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	10.586.000	28.304.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	44.816.197	44.816.197
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>4.764.273.876</i>	<i>3.949.260.929</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrih	1.473.994.860	2.094.158.155
Các khách hàng khác	3.290.279.016	1.855.102.774
Cộng	12.275.346.668	17.268.591.272

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản cho Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (là bên liên quan) vay với lãi suất theo lãi suất của Tổng công ty Sông Đà, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2012, khoản vay được gia hạn lần thứ 5 tới ngày 12 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	5.266.388.922	(3.908.773.954)	4.715.740.492	(3.737.612.211)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.266.388.922	(3.908.773.954)	4.715.740.492	(3.737.612.211)
- Tiền lãi cho vay				
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.031.217.121	-	2.138.484.371	-
Tạm ứng	901.757.735	-	1.623.195.288	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà - Cổ tức	120.017.150	-	120.017.150	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	104.991.013	-	22.506.849	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	450.107.128	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	454.344.095	-	372.765.084	-
Cộng	7.297.606.043	(3.908.773.954)	6.854.224.863	(3.737.612.211)

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Các bên liên quan	17.394.344.397	(14.239.178.867)	20.045.098.340	(14.795.576.084)
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	6.687.468.771	(5.834.542.035)	7.861.876.636	(6.111.745.579)
Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Sông Đà	-	-	40.282.000	(40.418.000)
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	35.362.843	(35.362.843)	35.362.843	(35.362.843)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	349.960.199	(349.960.199)	349.960.199	(349.960.199)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	-	1.436.064.078	(409.937.416)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	10.321.552.584	(8.019.313.790)	10.321.552.584	(7.848.152.047)
Trong đó: Tiền cung cấp dịch vụ	5.605.812.092	(4.110.539.836)	5.605.812.092	(4.110.539.836)
Lãi cho vay	4.715.740.492	(3.908.773.954)	4.715.740.492	(3.737.612.211)
Các tổ chức và cá nhân khác	15.592.808.403	(9.960.164.263)	16.463.191.530	(9.951.547.797)
Cộng	32.987.152.800	(24.199.343.130)	36.508.289.870	(24.747.123.881)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.747.123.881	25.207.728.493
Hoàn nhập dự phòng	(507.362.751)	(384.387.874)
Sử dụng dự phòng	(40.418.000)	(76.216.738)
Số cuối năm	24.199.343.130	24.747.123.881

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	13.541.912	11.896.220
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	20.887.037.588	23.161.543.304
Công trình Thủy điện Nam Emoun	4.165.007.289	5.024.885.418
Công trình Thủy điện Xekaman 3	2.611.494.509	2.623.598.968
Công trình Thủy điện Đăk mi 2	1.228.662.329	1.825.910.557
Các công trình khác	12.881.873.461	13.687.148.361
Cộng	20.900.579.500	23.173.439.524

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	42.836.363	231.544.495
Chi phí bảo hiểm	-	31.427.850
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.433.335	-
Cộng	194.269.698	262.972.345

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	437.437.739	330.691.635
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	571.446.037	1.454.846.917
Cộng	1.008.883.776	1.785.538.552

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.567.444.595	9.866.357.989	5.489.313.492	218.925.800	24.142.041.876
Tăng trong năm	-	669.072.392	-	-	669.072.392
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.441.678.493)	-	-	(1.441.678.493)
Số cuối năm	8.567.444.595	9.093.751.888	5.489.313.492	218.925.800	23.369.435.775
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.788.013.550	4.151.324.019	3.262.495.310	218.925.800	13.420.758.679
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.804.301.469	6.832.446.904	3.881.320.028	218.925.800	17.736.994.201
Khấu hao trong năm	83.959.200	666.904.621	335.271.060	-	1.086.134.881
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.441.678.493)	-	-	(1.441.678.493)
Số cuối năm	6.888.260.669	6.057.673.032	4.216.591.088	218.925.800	17.381.450.589
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.763.143.126	3.033.911.085	1.607.993.464	-	6.405.047.675
Số cuối năm	1.679.183.926	3.036.078.856	1.272.722.404	-	5.987.985.186

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.272.722.404 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ.

10. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

10a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	377.315.386	377.315.386
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	387.162.838	602.821.170
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	268.834.870	268.834.870
Các nhà cung cấp khác	1.422.656.480	1.759.259.813
Cộng	2.455.969.574	3.008.231.239

10b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>50.635.584</i>	<i>50.635.584</i>
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	50.635.584	50.635.584
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>3.897.862.000</i>	<i>4.235.861.402</i>
Viện Thiết kế Thủy công Taskent	472.665.016	810.664.418
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	431.457.562	431.457.562
Viện Thiết kế Thủy công Côn Minh	1.630.440.560	1.630.440.560
Các nhà cung cấp khác	1.363.298.862	1.363.298.862
Cộng	3.948.497.584	4.286.496.986

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>563.707.164</i>	<i>5.364.476.876</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	1.482.877	1.482.877
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	-	105.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	368.750.000	4.908.629.409
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	135.000.000	135.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	58.474.287	65.856.990
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	148.507.600
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>8.425.784.040</i>	<i>7.373.421.801</i>
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	531.794.688	1.633.695.069
BQL Dự án Vinacomin	1.204.545.455	1.204.545.455
Các khách hàng khác	6.689.443.897	4.535.181.277
Cộng	8.989.491.204	12.737.898.677

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	253.354.753	3.346.329.169	(3.098.682.099)	501.001.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp	261.255.383	225.156.438	(406.255.383)	80.156.438
Thuế thu nhập cá nhân	18.682.287	179.524.194	(198.161.979)	44.502
Thuế tài nguyên		9.836.788	(9.836.788)	
Tiền thuê đất	-	174.584.667	(174.584.667)	-
Các loại thuế khác	-	36.193.641	(36.193.641)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.915.778	(2.915.778)	-
Cộng	533.292.423	3.974.540.675	(3.926.630.335)	581.202.763

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ xuất khẩu là 0%, dịch vụ tư vấn trong nước là 10%, dịch vụ cung cấp nước sạch là 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	225.156.438	558.698.139
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	-	79.245.942
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	225.156.438	637.944.081

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

	Mức tiền thuê
Đất nằm ngoài chỉ giới mở đường (869,9 m ²)	537.593 VND/m ²
Đất nằm trong chỉ giới mở đường (96,5 m ²)	268.797 VND/m ²

Các loại thuế khác

Công ty và công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

13a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.371.710.460	1.527.073.305
Tổng công ty Sông Đà – CTCP	1.371.710.460	1.527.073.305
Cổ tức phải trả	1.330.920.480	1.330.920.480
Phí dịch vụ phải trả	40.789.980	196.152.825
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	10.195.907.649	10.954.048.583
Kinh phí công đoàn	523.521.086	422.190.032
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.278.727.520	1.278.727.520
Phải trả CBCNV (*)	6.985.439.661	7.447.773.690
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.408.219.382	1.805.357.341
Cộng	11.567.618.109	12.481.121.888

(*) Là khoản tiền Công ty mượn tạm từ nguồn lương của cán bộ công nhân viên để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

13b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận đặt cọc tiền thuê mặt bằng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cà phê Cao Nguyên.

14. Vay ngắn hạn/dài hạn

14a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.857.918.385	9.924.585.072
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱ⁾	6.556.048.743	2.308.041.732
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ ⁽ⁱⁱ⁾	1.301.869.642	7.616.543.340
Vay ngắn hạn các cá nhân ⁽ⁱⁱⁱ⁾	30.000.000	30.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.14b)	236.000.000	290.000.000
Cộng	8.123.918.385	10.244.585.072

Công ty và công ty con có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng số 02/2019-HĐTD/NHCT127-HTTD-TVSD ngày 07 tháng 12 năm 2019 với mục đích thanh toán chi phí điện nước, văn phòng, lương cán bộ công nhân viên. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 10.000.000.000 VND. Thời hạn vay đến hết ngày 31/10/2020. Lãi suất cho vay của khoản nợ nào được xác định vào ngày giải ngân khoản nợ đó và sẽ được điều chỉnh vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại địa chỉ 495 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội; Tài sản gắn liền với đất: Tòa nhà 5 tầng dùng làm văn phòng làm việc; Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 127/2019/5644 kỳ hạn 06 tháng giá trị 1.000.000.000 VND (Xem thuyết minh số V.2a).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ để bổ sung vốn lưu động thực hiện các công trình đã ký kết hợp đồng. Lãi suất 7,5%/năm từ ngày ký hợp đồng cho tới ngày ngân hàng có văn bản thông báo mức lãi suất áp dụng. Hạn mức vay ngắn hạn tối đa là: 30.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi hoặc ký quỹ bằng 5%/giá trị bảo lãnh đối với mỗi khoản bảo lãnh.

- (iii) Khoản vay tín chấp bà Nguyễn Thị Thu Hiền với lãi suất 0%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.924.585.072	13.586.849.323		(15.653.516.010)	7.857.918.385
Vay ngắn hạn các cá nhân	30.000.000				30.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	290.000.000		236.000.000	(290.000.000)	236.000.000
Cộng	10.244.585.072	13.586.849.323	236.000.000	(15.943.516.010)	8.123.918.385

14b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ theo hợp đồng số 1400-LAV-201701451 ngày 02 tháng 10 năm 2017 với mục đích để mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ 01 lần. Lãi suất cho vay áp dụng năm 2020 là 9,2%. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	236.000.000	290.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	171.000.000	407.000.000
Cộng	407.000.000	697.000.000

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	407.000.000	697.000.000
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(236.000.000)	(290.000.000)
Số cuối năm	171.000.000	407.000.000

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	930.636.111	557.528.156	(542.490.000)	945.674.267
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	206.000.000	100.000.000	-	306.000.000
Cộng	1.136.636.111	657.528.156	(542.490.000)	1.251.674.267

16. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản dự phòng phải thu khó đòi của Công ty với công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	6.998.127.117	225.070.573	55.309.754.715
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	1.962.352.156	13.298.714	1.975.650.870
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.150.000.000)	-	(1.150.000.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(2.609.648.000)	-	(2.609.648.000)
Số dư cuối năm trước	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	5.200.831.273	238.369.287	53.525.757.585
Số dư đầu năm trước	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	5.200.831.273	238.369.287	53.525.757.585
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	1.348.921.615	(5.960.577)	1.342.961.038
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(657.528.156)	-	(657.528.156)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.304.824.000)	-	(1.304.824.000)
Số dư cuối năm nay	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	4.587.400.732	*232.408.710	52.906.366.467

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17b. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.609.710	2.609.710
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.609.710	2.609.710
- Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	62	62
- Cổ phiếu phổ thông	62	62
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
- Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 37/NQ/2020/ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 1.304.824.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 557.528.156
• Thường cho Ban quản lý điều hành	: 100.000.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 1.401,46 USD (số đầu năm là 749,9 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	24.526.328.269
Doanh thu dịch vụ đã cung cấp	52.248.674.523	46.127.657.328
Doanh thu cung cấp nước sạch	982.194.945	905.803.700
Cộng	53.230.869.468	71.559.789.297

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	-	556.386.289
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	433.071.137	95.671.078
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	826.197.272	382.400.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	15.902.184.265	40.975.338.574
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	455.037.864	666.833.048
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	1.556.358.370
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	529.530.980	1.938.083.042
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	-	211.012.731

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	-	22.843.811.959
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	41.813.648.810	34.687.317.277
Giá vốn dịch vụ cung cấp nước sạch	746.250.931	638.581.896
Cộng	42.559.899.741	58.169.711.132

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	220.937.269	217.352.969
Lãi tiền cho vay	550.648.430	570.539.143
Lãi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.039.758	-
Cộng	774.625.457	787.892.112

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	866.142.760	850.682.785
Dự phòng tổn thất đầu tư	629.189.123	78.698.677
Cộng	1.495.331.883	929.381.462

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.907.408.904	7.519.252.875
Chi phí vật liệu quản lý	419.378.360	465.039.317
Chi phí đồ dùng văn phòng	527.202.894	511.722.559
Chi phí khấu hao tài sản cố định	227.675.148	170.756.361
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(507.362.751)	(384.387.874)
Thuế, phí và lệ phí	318.462.114	594.652.016
Chi phí dịch vụ mua ngoài	573.843.125	751.791.530
Các chi phí khác	865.010.267	1.153.845.371
Cộng	8.331.618.061	10.782.672.155

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	5.542.727	28.270.910
Thu nhập từ chi phí đã trích trước không phải thanh toán	-	112.389.079
Thu nhập từ công nợ không phải thanh toán	-	202.202.030
Thu nhập khác	23.606.591	34.706.470
Cộng	29.149.318	377.568.489

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	4.182.217	167.536.894
Chi phí khác	1.849.000	657.563
Cộng	6.031.217	168.194.457

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	1.348.921.615	1.962.352.156
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(657.528.156)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(557.528.156)
- Trích thưởng cho Ban quản lý điều hành	-	(100.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.348.921.615	1.304.824.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	2.609.648	2.609.648
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	517	500

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, trích thưởng cho Ban quản lý điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 37/NQ/2020/ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 06 năm 2020. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 554 VND xuống còn 500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.315.853.682	11.845.844.368
Chi phí nhân công	29.644.260.998	43.597.817.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	913.998.625	1.176.994.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.332.419.018	11.966.665.695
Chi phí khác	6.410.479.763	5.522.712.536
Cộng	48.617.012.086	74.110.034.678

10. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	493.591.061	493.591.061
Trên 1 năm đến 5 năm	1.974.364.245	1.974.364.245
Trên 5 năm	14.239.764.040	14.734.707.405
Cộng	16.707.719.346	17.202.662.711

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 996.4 m2 đất Nhà nước cho thuê 50 năm trả tiền thuê đất hàng năm là nơi đặt trụ sở chính của Công ty, địa chỉ 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m2 869,9 m2 đất nằm ngoài chỉ giới mở rộng đường và 268.797 VND/m2/năm với 96,5 m2 đất nằm trong chỉ giới mở rộng đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty và công ty con bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty và công ty con không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Tiền lương	Thù lao	Cổ tức	Cộng thu nhập
Năm nay				
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
Phạm Văn Mạnh - Chủ tịch HĐQT	364.800.707	-	-	364.800.707
Đình Văn Duẩn - Tổng Giám đốc	280.896.530	60.000.000	-	340.896.530
Nguyễn Văn Hoàng - Phó Tổng Giám đốc	181.292.573	60.000.000	-	241.292.573
Phạm Anh Đức - Thành viên HĐQT	-	60.000.000	163.734.000	223.734.000
Cù Văn Vinh - Thành viên HĐQT	-	60.000.000	441.000	60.441.000
Ban kiểm soát				
Bùi Thị Kim Khánh - Trưởng ban	204.564.599	-	1.454.500	206.019.099
Trần Thế Anh - Thành viên	-	36.000.000	-	36.000.000
Nguyễn Quỳnh Trang - Thành viên	-	36.000.000	-	36.000.000
Cộng	1.031.554.409	312.000.000	165.629.500	1.509.183.909
Năm trước				
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
Phạm Văn Mạnh - Chủ tịch HĐQT	375.958.527	-	-	375.958.527
Đình Văn Duẩn - Tổng Giám đốc	352.436.692	-	-	352.436.692
Nguyễn Văn Hoàng - Phó Tổng Giám đốc	237.996.993	-	-	237.996.993
Phạm Anh Đức - Thành viên HĐQT	-	84.700.000	-	84.700.000
Cù Văn Vinh - Thành viên HĐQT	-	16.000.000	-	16.000.000
Ban kiểm soát				
Bùi Thị Kim Khánh - Trưởng ban	208.741.420	-	-	208.741.420
Trần Thế Anh - Thành viên	-	46.300.000	-	46.300.000
Nguyễn Quỳnh Trang - Thành viên	-	52.300.000	-	52.300.000
Cộng	1.175.133.632	199.300.000	-	1.374.433.632

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty và công ty con gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Các Công ty Con của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Các Công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty liên kết của công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà - CTCP		
Chia cổ tức	665.460.240	1.330.920.480
Tiền điện phải trả Công ty mẹ	546.817.919	539.992.595
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào		
Lãi vay phải thu	550.648.430	570.539.143

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6, V.10, V.11 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty và công ty con được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty và Công ty con như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44.324.877.301	8.905.992.167	53.230.869.468
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	44.324.877.301	8.905.992.167	53.230.869.468
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	9.295.217.525	1.375.752.202	10.670.969.727
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(8.405.263.926)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.265.705.801
Doanh thu hoạt động tài chính			774.625.457
Chi phí tài chính			(1.495.331.883)
Thu nhập khác			29.149.318
Chi phí khác			(6.031.217)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(225.156.438)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.342.961.038
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	629.527.079	39.545.313	669.072.392
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.869.853.450	348.843.876	2.218.697.326

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	47.033.461.028	24.526.328.269	71.559.789.297
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận		-	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.033.461.028	24.526.328.269	71.559.789.297
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	11.707.561.855	1.682.516.310	13.390.078.165
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(10.844.367.896)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			2.545.710.269
Doanh thu hoạt động tài chính			787.892.112
Chi phí tài chính			(929.381.462)
Thu nhập khác			377.568.489
Chi phí khác			(168.194.457)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(637.944.081)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.975.650.870
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	420.000.000	720.760.000	1.140.760.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	734.060.782	442.933.802	1.176.994.584

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng/tài sản của Công ty và Công ty con như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	58.707.324.599	6.120.475.004	64.827.799.603
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			31.037.287.247
Tổng tài sản			95.865.086.850
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.015.208.362	368.750.000	15.383.958.362
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			27.574.762.021
Tổng nợ phải trả			42.958.720.383

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	71.137.166.820	926.511.626	72.063.678.446
Tài sản phân bổ cho bộ phận			-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận		-	36.119.328.932
Tổng tài sản			108.183.007.378
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.905.159.587	121.486.273	21.026.645.860
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			33.630.603.933
Tổng nợ phải trả			54.657.249.793

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động cung cấp dịch vụ (Tư vấn thiết kế, thí nghiệm, khảo sát công trình,...).
- Lĩnh vực 2: Hoạt động cung cấp nước sạch.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hoạt động cung cấp dịch vụ	52.248.674.523	46.127.657.328
Hoạt động xây lắp	-	24.526.328.269
Hoạt động cung cấp nước sạch	982.194.945	905.803.700
Cộng	53.230.869.468	71.559.789.297

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Tổng Giám đốc



Đinh Văn Dẫn

